

Số: 1114A/NHCS-TD

Hà Nội, ngày 22 tháng 4 năm 2007

HƯỚNG DẪN

NỘI DUNG ỦY THÁC CHO VAY VỐN ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO VÀ CÁC ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH KHÁC GIỮA NHCSXH VỚI CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI

I. HÌNH THỨC VĂN BẢN VÀ PHÂN CẤP ỦY QUYỀN KÝ KẾT

1. Hình thức văn bản ký kết

Văn bản ký kết uỷ thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác giữa Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện được gọi là Văn bản liên tịch.

Văn bản ký kết uỷ thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác giữa NHCSXH cấp huyện với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã được gọi là Hợp đồng uỷ thác.

2. Phân cấp uỷ quyền ký kết văn bản

2.1. Cấp trung ương: Hội sở chính NHCSXH ký văn bản với cấp trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội.

2.2. Cấp địa phương:

- Cấp tỉnh: Tổng giám đốc NHCSXH uỷ quyền cho Giám đốc chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh ký kết Văn bản liên tịch với các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh về nội dung uỷ thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

- Cấp huyện: Tổng giám đốc NHCSXH uỷ quyền cho Giám đốc Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện ký kết:

+ Văn bản liên tịch với các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện về nội dung uỷ thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

+ Hợp đồng uỷ thác với tổ chức chính trị - xã hội cấp xã về nội dung uỷ thác cho vay vốn đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác.

II. NỘI DUNG ỦY THÁC CHO VAY

NHCSXH uỷ thác cho các tổ chức chính trị - xã hội một số công đoạn trong quy trình cho vay vốn đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được gọi là uỷ thác cho vay từng phần. Cụ thể NHCSXH uỷ thác cho các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện 6 công đoạn trong quy trình cho vay như sau:

1. Thông báo và phổ biến các chính sách tín dụng có ưu đãi của Chính phủ đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, chỉ đạo tổ chức họp các đối tượng thuộc diện thụ hưởng các chính sách tín dụng ưu đãi có nhu cầu vay vốn.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV), tổ chức họp Tổ để kết nạp thành viên vào Tổ TK&VV, bầu Ban quản lý Tổ, xây dựng quy ước hoạt động của Tổ, bình xét công khai các hộ có nhu cầu và đủ điều kiện vay vốn đưa vào Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) trình UBND cấp xã xác nhận, đề nghị ngân hàng cho vay.

Nhận và thông báo kết quả phê duyệt danh sách hộ gia đình được vay vốn cho Tổ TK&VV để Tổ TK&VV thông báo đến từng hộ gia đình được vay vốn. Cùng Tổ TK&VV chứng kiến việc giải ngân, thu nợ, thu lãi của người vay tại các Điểm giao dịch của NHCSXH.

3. Phối hợp với Ban quản lý Tổ TK&VV kiểm tra, giám sát quá trình sử dụng vốn vay, đôn đốc người vay trả nợ gốc, lãi theo định kỳ đã thoả thuận, thông báo kịp thời cho NHCSXH nơi cho vay về các trường hợp sử dụng vốn vay bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (thiên tai, dịch bệnh, hoả hoạn, chết, mất tích...) và rủi ro do nguyên nhân chủ quan như: sử dụng vốn vay sai mục đích, ... để có biện pháp xử lý thích hợp, kịp thời.

4. Đôn đốc Ban quản lý Tổ TK&VV thực hiện hợp đồng uỷ nhiệm đã ký với NHCSXH, chỉ đạo và giám sát Ban quản lý Tổ TK&VV trong các việc sau:

- Đôn đốc các tổ viên đem tiền đến điểm giao dịch của NHCSXH để trả nợ gốc theo kế hoạch trả nợ đã thoả thuận;

- Thực hiện việc thu lãi, thu tiền tiết kiệm (đối với các Tổ TK&VV được NHCSXH uỷ nhiệm thu) hoặc đôn đốc các tổ viên đem tiền đến Điểm giao dịch của NHCSXH để trả lãi, gửi tiết kiệm (nếu có) theo định kỳ đã thoả thuận (đối với các tổ TK&VV không được NHCSXH uỷ nhiệm thu).

Định kỳ hàng năm (vào đầu tháng 1), phối hợp cùng NHCSXH cấp huyện tiến hành đánh giá hoạt động của từng Tổ để xếp loại Tổ theo tiêu chí, những Tổ yếu kém, không còn khả năng hoạt động thì tổ chức sáp nhập, giải thể theo quy định.

5. Chỉ đạo, theo dõi, kiểm tra quá trình sử dụng vốn của người vay (theo mẫu số 06/TD); kiểm tra hoạt động của các Tổ TK&VV (theo mẫu 16/TD) và của tổ chức chính trị - xã hội cấp dưới thuộc phạm vi quản lý theo định kỳ hoặc đột xuất. Phối hợp cùng NHCSXH và chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn và hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan (nếu có).

6. Định kỳ hoặc đột xuất kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện chính sách tín dụng ưu đãi của Chính phủ. Tổ chức giao ban, sơ kết, tổng kết theo định kỳ để đánh giá những kết quả đã đạt được, những tồn tại, vướng mắc; bàn biện pháp và kiến nghị xử lý nợ đến hạn, nợ quá hạn, nợ bị rủi ro, nợ bị xâm tiêu (nếu có) và bàn phương hướng, kế hoạch thực hiện trong thời gian tới... Tổ chức tập huấn nghiệp vụ uỷ thác cho cán bộ tổ chức Hội, cán bộ Tổ

TK&VV. Phối hợp với các cơ quan chức năng để phổ biến, tuyên truyền chủ trương, chính sách có liên quan đến chính sách tín dụng ưu đãi và tập huấn công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư... để giúp người vay sử dụng vốn vay có hiệu quả.

Toàn bộ 6 công đoạn trên đây thì tổ chức Hội cấp xã phải thực hiện tất cả 6 các công đoạn (từ công đoạn 1 đến công đoạn 6), tổ chức Hội cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện 2 công đoạn (gồm công đoạn 5 và 6).

III. HOA HỒNG TRẢ CHO TỔ TK&VV; PHÍ DỊCH VỤ ỦY THÁC TRẢ CHO TỔ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VÀ CHI TRẢ THÙ LAO CHO CÁN BỘ XÃ (PHƯỜNG)

1. Hoa hồng trả cho Tổ TK&VV

NHCSXH trả hoa hồng cho Tổ TK&VV căn cứ vào mức độ công việc uỷ nhiệm cho Tổ (không uỷ nhiệm thu nợ gốc), kết quả thu lãi của Tổ để trả hoa hồng.

Tiền hoa hồng trả cho Tổ TK&VV được xác định theo công thức:

$$\text{Tiền hoa hồng} = \frac{\text{Tỷ lệ hoa hồng được hưởng}}{\text{Lãi suất cho vay}} \times \text{Số tiền lãi thực thu}$$

Trong đó:

- Tỷ lệ hoa hồng được hưởng hiện nay được quy định như sau:

+ Đối với Tổ TK&VV được uỷ nhiệm thu lãi là 0,085%.

+ Đối với Tổ TK&VV không được uỷ nhiệm thu lãi là 0,075%.

- Lãi suất cho vay là lãi suất trong hạn ghi trên sổ TK&VV (khế ước nhận nợ) khi cho vay.

- Số tiền lãi thực thu là số tiền lãi do người vay hoặc do Tổ TK&VV nộp vào ngân hàng.

2. Phí dịch vụ uỷ thác trả cho các tổ chức chính trị - xã hội

2.1. Phí dịch vụ uỷ thác

NHCSXH trả phí dịch vụ uỷ thác cho các tổ chức chính trị - xã hội căn cứ vào mức phí dịch vụ uỷ thác được thoả thuận giữa NHCSXH và các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp trung ương; kết quả thu lãi và tỷ lệ phí dịch vụ uỷ thác theo chất lượng dư nợ.

Tiền phí dịch vụ uỷ thác trả cho tổ chức chính trị - xã hội được xác định theo công thức:

$$\text{Tiền phí uỷ thác} = \frac{\text{Mức phí dịch vụ uỷ thác}}{\text{Lãi suất cho vay}} \times \text{Số tiền lãi thực thu} \times \text{Tỷ lệ phí uỷ thác theo chất lượng dư nợ}$$

Trong đó:

- Mức phí dịch vụ uỷ thác hiện nay là 0,06%.

- Lãi suất cho vay là lãi suất trong hạn ghi trên sổ TK&VV (khế ước nhận nợ) khi cho vay.

- Số tiền lãi thực thu là số tiền lãi do người vay hoặc do Tổ TK&VV nộp vào ngân hàng.

- Tỷ lệ phí dịch vụ uỷ thác theo chất lượng dư nợ, cụ thể:

Trường hợp 1: dư nợ tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác có tỷ lệ nợ quá hạn đến 5% thì tổ chức chính trị - xã hội được hưởng 100% mức phí dịch vụ uỷ thác;

Trường hợp 2: dư nợ tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác có tỷ lệ nợ quá hạn từ trên 5% đến 7% thì tổ chức chính trị - xã hội được hưởng 80% mức phí dịch vụ uỷ thác;

Trường hợp 3: dư nợ tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác có tỷ lệ nợ quá hạn từ trên 7% đến 10% thì tổ chức chính trị - xã hội được hưởng 50% mức phí dịch vụ uỷ thác;

Trường hợp 4: dư nợ tổ chức chính trị - xã hội nhận uỷ thác có tỷ lệ nợ quá hạn trên 10% thì tổ chức chính trị - xã hội không được hưởng phí dịch vụ uỷ thác.

Riêng số dư nợ nhận bàn giao từ các chương trình tín dụng chính sách vẫn áp dụng theo các Văn bản thoả thuận đã ký cho đến khi thu hồi hết nợ.

2.2. Phân bổ phí dịch vụ uỷ thác

Hiện nay, việc phân bổ mức phí dịch vụ uỷ thác trả cho tổ chức chính trị - xã hội các cấp thực hiện theo văn bản thoả thuận số 207/VBTT ngày 06/02/2007. Cụ thể, mức phí dịch vụ uỷ thác 0,06% được coi là 100% và được phân bổ cho từng cấp Hội như sau:

- Cấp trung ương: 5%
- Cấp tỉnh: 10%
- Cấp huyện: 15%
- Cấp xã: 70%

3. Chi trả thù lao cho cán bộ xã (phường)

Hàng tháng, NHCSXH chi một định suất cho Ban xoá đói giảm nghèo ở xã (phường) theo Quy định của Bộ Tài chính. Mức chi hiện nay là 80.000 đồng/tháng/định suất, để tạo điều kiện cho UBND xã (phường) thực hiện nhiệm vụ quản lý Nhà nước đối với kênh tín dụng chính sách của NHCSXH.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

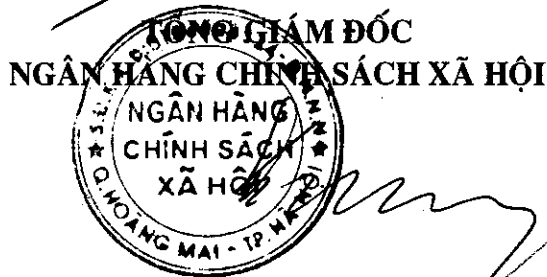
1. Toàn bộ nội dung 6 công đoạn uỷ thác nêu tại điểm II văn bản này, đã được 2 bên thoả thuận và ký kết Văn bản liên tịch ở cấp Trung ương, NHCSXH các cấp chủ động rà soát lại các Văn bản liên tịch, Hợp đồng uỷ thác cho vay để bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với chỉ đạo của Tổng giám đốc NHCSXH tại văn bản này.

2. Văn bản này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế văn bản số 1114/NHCS-KHNV ngày 03/7/2004 và các quy định trong văn bản khác trái với quy định trong văn bản này đều hết hiệu lực thi hành.

Nhận được văn bản này, yêu cầu Giám đốc chi nhánh NHCSXH các tỉnh, thành phố tổ chức thực hiện. Quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, báo cáo Hội sở chính NHCSXH xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- HLH Phụ nữ VN;
- Hội Nông dân VN;
- Hội Cựu chiến binh VN;
- TW Đoàn Thanh niên CS HCM;
- Chủ tịch, các TV HĐQT NHCSXH (để báo cáo);
- TGD, các Phó TGD NHCSXH;
- SGD, CN NHCSXH các tỉnh, TP;
- PGD NHCSXH cấp huyện;
- Các phòng, ban tại HSC NHCSXH;
- Trung tâm đào tạo, TT Công nghệ thông tin;
- Đại diện Văn phòng miền Nam;
- Lưu VP, phòng NVTD.



Hà Thị Hạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BIÊN BẢN KIỂM TRA
HOẠT ĐỘNG CỦA TỔ TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN**

Thực hiện chương trình kiểm tra của tổ chức Hội

Hôm nay, ngày.... tháng..... năm, tại Tổ Tiết kiệm và vay vốn (TK&VV)
thôn..... xã huyện..... chúng tôi gồm:

A. Đoàn kiểm tra:

- 1. Ông (bà)..... Chức vụ.....
- 2. Ông (bà)..... Chức vụ.....
- 3. Ông (bà)..... Chức vụ.....

B. Ban quản lý Tổ TK&VV (đơn vị được kiểm tra):

- 1. Ông (bà)..... Chức vụ.....
- 2. Ông (bà)..... Chức vụ.....
- 3. Ông (bà)..... Chức vụ.....

Nội dung kiểm tra

Kiểm tra việc thực hiện Hợp đồng uỷ nhiệm của Tổ TK&VV đã ký với Ngân hàng Chính sách xã hội ngày /... /.....

1. Tình hình chung của Tổ.

- Tổng dư nợ của Tổ:triệu đồng, trong đó nợ quá hạn..... đồng; chiếm% trên tổng dư nợ của tổ.
- Tổng số thành viên trong Tổ....., trong đó số thành viên còn dư nợ NHCSXH.....

2. Kiểm tra tình hình hoạt động của Tổ

- a. Tổ TK&VV có tổ chức họp bình xét công khai để bình xét các hộ được vay vốn: Có hay không?.....
- b. Tổ TK&VV duy trì sinh hoạt theo định kỳ như thế nào?.....
- c. Việc lưu giữ và ghi chép hồ sơ của Tổ TK&VV:
 - Biên bản họp tổ TK&VV (mẫu số 10/TD): Có hay không?.....
 - Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn (mẫu số 03/TD): Có hay không?.....
 - Hợp đồng uỷ nhiệm của Ngân hàng với Tổ TK&VV: Có hay không?.....
 - Sổ theo dõi cho vay, thu nợ, thu lãi, thu tiết kiệm của các thành viên (mẫu số 13/TD đã lập hay chưa lập?Việc ghi chép như thế nào?.....
- d. Việc trả nợ, trả lãi, gửi tiền tiết kiệm của các thành viên trong tổ như thế nào?.....

e. Số hộ vay vốn trong Tổ đã kiểm tra, đối chiếu: hộ.

Số hộ vay vốn trong Tổ chưa kiểm tra.....hộ.

g. Số hộ vay vốn trong Tổ bị rủi ro:

- Rủi ro do nguyên nhân khách quan:..... hộ, số tiền..... đồng

- Rủi ro do nguyên nhân chủ quan:.....hộ, số tiền..... đồng

- Nợ bị chiếm dụng, xâm tiêu:.....hộ, số tiền..... đồng

Họ tên người chiếm dụng, xâm tiêu:số tiền..... đồng

Họ tên người chiếm dụng, xâm tiêu:số tiền..... đồng

Họ tên người chiếm dụng, xâm tiêu:số tiền..... đồng

Kiến nghị của Đoàn kiểm tra

.....
.....
.....
.....

Biên bản được lập thành 3 liên (Tổ TK&VV 01 liên, Đoàn kiểm tra 01 liên, NHCSXN nơi cho vay 01 liên), đọc cho các thành viên cùng nghe và nhất trí thông qua.

Trưởng Đoàn kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)

Tổ trưởng tổ TK&VV

(Ký, ghi rõ họ tên)

CN NHCSXH TỈNH.....

PGD:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số 06/TĐ

Lập 02 liên:

- 01 liên lưu NH;

- 01 liên lưu TỐ

PHIẾU KIỂM TRA SỬ DỤNG VỐN VAY
(Định kỳ hoặc đột xuất)

Họ và tên cán bộ kiểm tra:, chức vụ

Thời điểm kiểm tra:, địa bàn kiểm tra:.....

PHẦN GHI THEO HỒ SƠ CHO VAY					PHẦN KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI HỘ VAY VỐN				
S t t	Số sổ vay vốn (Khế ước)	Họ và tên người vay	Số tiền vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Số tiền thực nhận	Thực tế sử dụng		Số tiền sử dụng sai mục đích	Ký xác nhận của người vay
						Vào việc	Số tiền		
1									
2									
3									
4									
...									

Nhận xét: Kiểm tra, đối chiếu thực tế được hộ, số tiền đồng. Trong đó:
- Số hộ sử dụng đúng mục đích:hộ, số tiền:..... đồng, tỷ trọng: %.
- Số hộ sử dụng sai mục đích:hộ, số tiền:..... đồng, tỷ trọng: %.

Biện pháp xử lý:

.....
.....

Ngày, tháng, năm

Cán bộ kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)



GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Chính sách xã hội.....

Họ và tên người vay:Năm sinh:.....

Địa chỉ cư trú tại:

Là thành viên tổ TK&VV:.....do ông (bà).....làm tổ trưởng.

Thuộc tổ chức Hội.....quản lý.

Sổ TK&VV hoặc Khế ước nhận nợ số:; lập ngày ... / ... /.....

Hiện nay tôi còn nợ Ngân hàng số tiền gốc:.....đồng; số tiền lãi:đồng.

Theo thỏa thuận tôi phải trả vào ngày tháng năm, nhưng đến nay tôi chưa trả được nợ vì lý do sau đây:

.....

Đề nghị Ngân hàng xem xét cho gia hạn khoản nợ gốc nêu trên đến ngày..... tháng..... năm.....

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ và đúng hạn. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tổ TK&VV
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày....tháng....năm....
Người vay
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

PHÊ DUYỆT CỦA NHCSXH

1. Cho gia hạn nợ số tiền:.....đồng. (Bằng chữ.....)

2. Thời gian cho gia hạn nợ:.....tháng.

Hạn trả nợ cuối cùng: Ngày / /

Ngàytháng năm.....

Cán bộ tín dụng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Trưởng phòng
(tổ trưởng) TD
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký tên, đóng dấu)



-----***-----

BIÊN BẢN HỌP TỔ TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN

V/v: (thành lập, bổ sung, thay đổi):.....

Hôm nay, ngày..... tháng năm.....

Tại thôn xã..... huyện

Chúng tôi gồm có:.....thành viên là chủ hộ gia đình cùng cư trú tại địa bàn, tự nguyện họp đểtheo quy định về tổ chức hoạt động của tổ tiết kiệm và vay vốn. Tất cả thành viên dự họp đã nhất trí thông qua các nội dung sau:

I- Danh sách thành viên được kết nạp vào tổ gồm.....thành viên có tên dưới đây:

- | | | |
|---------|---------|---------|
| 1..... | 17..... | 33..... |
| 2..... | 18..... | 34..... |
| 3..... | 19..... | 35..... |
| 4..... | 20..... | 36..... |
| 5..... | 21..... | 37..... |
| 6..... | 22..... | 38..... |
| 7..... | 23..... | 39..... |
| 8..... | 24..... | 40..... |
| 9..... | 25..... | 41..... |
| 10..... | 26..... | 42..... |
| 11..... | 27..... | 43..... |
| 12..... | 28..... | 44..... |
| 13..... | 29..... | 45..... |
| 14..... | 30..... | 46..... |
| 15..... | 31..... | 47..... |
| 16..... | 32..... | 48..... |

Tổng số thành viên trong Tổ:.....thành viên.

II- Bầu Ban quản lý (bổ sung, thay đổi) của Tổ TK&VV: gồm các ông (bà) có tên dưới đây:

- | | |
|------------------|---------------|
| 1. Ông (bà)..... | chức vụ:..... |
| 2. Ông (bà)..... | chức vụ:..... |
| 3. Ông (bà)..... | chức vụ:..... |

III- Các thành viên trong Tổ cùng nhau thông qua Quy ước hoạt động như sau:

1. Tổ trưởng là người đại diện cho Tổ tham gia giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình hoạt động của Tổ.
2. Tham gia đầy đủ các buổi sinh hoạt định kỳ hoặc đột xuất và các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư... để nâng cao trình độ sản xuất, kinh doanh.
3. Gửi tiền tiết kiệm định kỳ hàng tháng (quý) với mức tối thiểu là đồng/thành viên.
4. Tất cả các thành viên cam kết sử dụng vốn vay đúng mục đích xin vay; trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng kỳ hạn đã thoả thuận.
5. Mỗi thành viên của Tổ cam kết cùng cộng đồng trách nhiệm, nếu trong Tổ có thành viên gặp khó khăn, rủi ro trong quá trình sử dụng vốn vay, khi đến hạn không trả được nợ, các thành viên khác có trách nhiệm giúp đỡ để trả nợ gốc và lãi tiền vay kịp thời như đã cam kết với Ngân hàng.
6. Nếu Tổ được Ngân hàng tín nhiệm ủy nhiệm thu lãi, thu tiết kiệm của các thành viên, thì toàn bộ thành viên trong Tổ hoàn toàn nhất trí để Tổ trưởng thu lãi, thu tiết kiệm nộp Ngân hàng.
7. Các thành viên tương trợ giúp đỡ nhau trong cuộc sống, trao đổi kinh nghiệm sản xuất, kinh doanh; cùng nhau cam kết thực hiện đúng quy ước này và chấp hành các quy định cho vay của Ngân hàng.

Biên bản này được lập thành 02 bản, được các thành viên trong tổ hoàn toàn nhất trí thông qua. Đề nghị UBND xã công nhận và cho phép tổ tiết kiệm và vay vốn của chúng tôi được hoạt động tại địa phương:

HỘI, ĐOÀN THỂ
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ TRÌ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÊ DUYỆT CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

(Áp dụng cho trường hợp thành lập Tổ hoặc thay đổi Tổ trưởng)

Công nhận Tổ tiết kiệm và vay vốn do ông (bà).....làm Tổ trưởng được hoạt động theo Quy ước của Tổ đề ra.

Ngày.....tháng.....năm.....

UBND XÃ
(Ký tên, đóng dấu)

HỢP ĐỒNG ỦY NHIỆM GIỮA NGÂN HÀNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI VỚI TỔ TIẾT KIỆM VÀ VAY VỐN

V/v:.....

Căn cứ Biên bản họp Tổ tiết kiệm và vay vốn V/v: thành lập Tổ và thông qua quy ước hoạt động của Tổ đã được Ủy ban nhân dân xã công nhận và cho phép hoạt động.

Hôm nay, ngày...../...../....., tại.....

Chúng tôi gồm có:

1. Bên uỷ nhiệm (bên A)

- Ngân hàng Chính sách xã hội
- Đại diện ông (bà):.....Chức vụ:.....
- Địa chỉ:.....số điện thoại.....

2. Bên nhận uỷ nhiệm (bên B)

- Tên Tổ tiết kiệm và vay vốn (TK&VV):
- Địa chỉ:.....
- Đại diện ông (bà): Chức vụ: Tổ trưởng
CMND số:..... ngày cấp...../...../.....nơi cấp:.....
- Địa chỉ:.....

Hai bên nhất trí thoả thuận các nội dung sau:

Điều 1. Bên A uỷ nhiệm cho bên B thực hiện các công việc sau đây:

1. Nhận giấy đề nghị vay vốn của thành viên. Tổ chức họp các thành viên trong Tổ để thực hiện bình xét công khai, dân chủ. Lựa chọn thành viên đủ điều kiện vay vốn. Lập Danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn NHCSXH (mẫu số 03/TD) trình UBND cấp xã xác nhận và đề nghị ngân hàng cho vay. Thông báo kết quả phê duyệt cho vay, lịch giải ngân đến từng thành viên. Chứng kiến việc giải ngân, thu nợ, thu lãi của bên A tại điểm giao dịch.

2. Bên B phải đôn đốc người vay sử dụng tiền vay đúng mục đích; trả nợ, trả lãi đầy đủ, đúng hạn cả gốc và lãi theo kế hoạch đã thoả thuận.

3. Trong phạm vi 30 ngày kể từ ngày nhận tiền vay, bên B thực hiện kiểm tra việc sử dụng vốn vay của 100% các thành viên trong Tổ (mẫu số 06/TD) để gửi cán bộ NHCSXH nơi cho vay. Trường hợp hộ vay sử dụng vốn vay sai mục đích thì lập biên bản và yêu cầu hộ vay trả nợ trước hạn.

4. Bên B (được/không được)..... thu lãi, thu tiền tiết kiệm của thành viên trong Tổ.

5. Phối hợp cán bộ tổ chức Hội, chính quyền địa phương xử lý các trường hợp nợ quá hạn, nợ bị rủi ro (nếu có), các trường hợp sử dụng vốn vay sai mục đích, trốn, chết, mất tích, rủi ro do nguyên nhân khách quan và thông báo kịp thời cho bên A.

6. Mở sổ theo dõi cho vay - thu nợ - thu lãi của thành viên theo mẫu số 13/TD; lưu giữ hồ sơ của tổ TK&VV và các giấy tờ khác liên quan đến hoạt động vay vốn.

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của các bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A

- Phối hợp với tổ chức Hội để tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho vay cho bên B, cung cấp đầy đủ các mẫu biểu có liên quan đến hoạt động vay vốn.
- Thanh toán tiền hoa hồng đầy đủ cho bên B theo định kỳ đã thoả thuận theo công thức:

$$\text{Tiền hoa hồng} = \frac{\text{Tỷ lệ hoa hồng được hưởng.....\%}}{\text{Lãi suất cho vay \%}} \times \text{Số tiền lãi thực thu}$$

Trường hợp, bên B có thu tiền gửi tiết kiệm của các thành viên, thì được bên A trả hoa hồng là.....% trên số tiền gửi tiết kiệm từng lần.

- Thực hiện kiểm tra theo định kỳ hoặc đột xuất về các nội dung công việc mà bên B được uỷ nhiệm. Trường hợp phát hiện bên B vi phạm các điều khoản đã thoả thuận thì bên A đơn phương chấm dứt Hợp đồng và đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của bên B

- Thực hiện đầy đủ các nội dung đã thoả thuận tại Hợp đồng này.
- Nộp đầy đủ, kịp thời tiền lãi và tiền tiết kiệm thu được của các tổ viên vào bên A (nếu được bên A uỷ nhiệm thu). Tuyệt đối không được lợi dụng nhiệm vụ quyền hạn để tham ô, chiếm dụng vốn; nếu xảy ra mất mát, thiếu hụt bên B phải bồi hoàn và chịu trách nhiệm trước pháp luật.
- Duy trì hoạt động theo quy ước hoạt động của Tổ TK&VV.
- Từ chối yêu cầu của bên A trái với nội dung đã thoả thuận.
- Bên B được hưởng hoa hồng do bên A trả theo kết quả thu lãi, thu tiết kiệm.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Mỗi bên có trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện tốt các nội dung đã thoả thuận trong Hợp đồng này.

2. Trường hợp người đại diện Tổ ký hợp đồng này có sự thay đổi do chuyển chỗ ở hoặc buộc nghỉ việc hoặc thay đổi thành viên đại diện Tổ thì người kế nhiệm có trách nhiệm tiếp tục chỉ đạo thực hiện.

3. Trong quá trình thực hiện, hai bên không được tự ý thay đổi nội dung thoả thuận; nếu có vấn đề phát sinh cần bổ sung, sửa đổi các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết để bàn bạc giải quyết; nếu có tranh chấp xảy ra thì hai bên thống nhất giải quyết trên tinh thần hợp tác; trong trường hợp không hoà giải được, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền giải quyết hoặc khởi kiện trước pháp luật.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 03 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản để tổ chức thực hiện và gửi Hội cấp xã trực tiếp quản lý 01 bản.

Đại diện bên B
(ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên A
(ký tên, đóng dấu)



